

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI
Tháng 12 và năm 2015

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2015

	Năm 2015		Thực hiện năm 2014
	Kế hoạch	Thực hiện	
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	>9,5	9,85	9,59
Trong đó: Nông, lâm, thủy sản		5,87	5,90
Công nghiệp và xây dựng		8,07	7,19
Dịch vụ		11,11	11,31
2 Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP-%)		7,9	7,0
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	8-10	-2,4	8,8
Trong đó: - Trừ dầu thô		11,3	11,9
4 Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 so với tháng 12 năm trước (%)	Thấp hơn cả nước	-0,2	1,65
5 Tỷ trọng vốn đầu tư so GDP (%)	30	29,8	29,9
6 Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		2.810,3	2.842,8
7 Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	267.926	280.767	255.020
Thu ngân sách không tính dầu thô	233.776	257.801	222.603
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	143.776	160.412	132.224
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	90.000	95.000	88.438
8 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	54.616	59.735	43.986
T.đó: Chi đầu tư phát triển	21.375	26.268	17.070
9 Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người)	265	295,3	290
Trong đó: Được tạo việc làm mới	120	123,8	121,4
10 Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chuẩn thu nhập dưới 16 triệu đồng/người/năm - %)	<1	0,5	1,65

Tình hình kinh tế năm 2015 cả nước nói chung và thành phố nói riêng có nhiều khởi sắc: doanh nghiệp mới thành lập tăng cao cả về số lượng và vốn đăng ký, sản xuất công nghiệp tăng khá, tiêu thụ bất động sản tăng mạnh thúc đẩy hoạt động xây lắp nhận thầu tăng theo, dư nợ tín dụng tăng cao hơn nhiều so mức tăng năm trước. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) ước tăng 9,85% so năm trước, tăng 0,26 điểm phần trăm so với mức của năm 2014; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm giảm 0,2% so năm 2014. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 7,9% (năm 2014 đạt 7,0%); lượng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 10,3% (năm 2014 là 8%); tổng vốn đầu tư xã hội đạt 285,2 ngàn tỷ đồng bằng 101,8% kế hoạch đề ra, tăng 11,7% (năm 2014 tăng 9,7%); thu ngân sách không tính dầu thô đạt 257.801 tỷ đồng, tăng 15,8%; chi ngân sách địa phương 59.735 tỷ đồng, 17,7% so cùng kỳ, tín dụng tăng (đến 1/12) tăng 11,5% (cùng kỳ tăng 9%).

I. TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn cả năm tăng 9,85% so năm trước, cao hơn mức tăng 9,59% của năm 2014.

Tổng sản phẩm trong nước năm 2015

	Giá thực tế		Tốc độ tăng so với năm 2014 (%)	Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)		
Tổng số	957.358	100,0	9,85	9,85
<i>Phân theo khu vực</i>				
- Nông, lâm, thủy sản	9.502	0,99	5,79	0,05
- Công nghiệp và xây dựng	378.795	39,57	8,07	3,21
+ Công nghiệp	324.310	33,88	7,69	2,65
+ Xây dựng	54.485	5,69	10,50	0,56
- Dịch vụ	569.061	59,44	11,11	6,59

Trong 9,85% tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực dịch vụ vẫn giữ mức đóng góp cao nhất 6,59 điểm phần trăm, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng 3,21 điểm phần trăm và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 0,05 điểm phần trăm.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 9.502 tỷ đồng, chiếm 0,99% GDP, tăng 5,8%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 378.795 tỷ đồng chiếm 39,57% GDP, tăng 8,07%; trong đó công nghiệp tăng 7,69%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 569.061 tỷ đồng chiếm 59,44% GDP, tăng 11,11%. Trong đó: ngành thương nghiệp bán buôn bán lẻ tăng 8,2%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 6%, vận tải kho bãi tăng 20,5%.

II. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng với chỉ số IIP tháng 12 ước tăng 10,4% so tháng 11, trong đó công nghiệp chế biến tăng 10,4%; sản xuất phân phối điện tăng 2,4% và khai thác phân phối nước, xử lý chất thải tăng 15,1%. Đa số các ngành đều có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất giấy (+33%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+18,6%); sản xuất giường tủ bàn ghế (+18,1%); dệt (+15,4%); trang phục (+15%); da (+14%); hóa chất (+13,2%); sản xuất chế biến thực phẩm (+9,4%); sản xuất đồ uống (+9,3%)... Những ngành có chỉ số giảm so với tháng trước: sản xuất máy móc thiết bị khác (-1,4%); khai khoáng (-12,3%).

So với tháng 12/2014, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,6%.

Tính chung cả năm chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,9% so với năm 2014, cao hơn chỉ số của năm trước (chỉ số năm trước: +7%). Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,3%; sản xuất và phân phối nước, xử lý chất thải tăng 12,8%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 12 so với tháng 11	Năm 2015 so với năm 2014
Tổng số	110,4	107,9
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	87,7	14,1
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	110,4	108,0
3. SX và phân phối điện	102,4	107,3
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	115,1	112,8
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	109,4	109,8
2. Sản xuất đồ uống	109,3	112,0
3. Sản xuất trang phục	115,0	107,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	114,0	111,9
5. SX hóa chất và SP hóa chất	113,2	102,3
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	118,6	101,4
7. SP. từ khoáng phi kim loại	100,3	120,2
8. Sản xuất SP điện tử	108,0	106,2
9. Sản xuất thiết bị điện	109,8	111,2
10. Sản xuất xe có động cơ	104,0	161,1

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 23/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất xe có động cơ (+61,1%); hoạt động thu gom, xử lý rác thải (+26,4%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+20,2%); sản xuất đồ uống (+12%). **Một số ngành có mức tăng khá**: chế biến thực phẩm (+9,8%); trang phục (+7,8%); sản xuất và phân phối điện (+7,3%); in (+6,4%); sản xuất phương tiện vận tải khác (+6,3%); sản xuất sản phẩm điện tử (+6,2%); sản xuất giấy (+5,6%); **Các ngành có mức tăng thấp hoặc giảm gồm**: khai thác, xử lý và cung cấp nước (+4,3%); thuốc lá (+3,7%); dệt (+2,5%); sản xuất máy móc thiết bị khác (-3,8%); sản xuất giường tủ bàn ghế (-7%); khai thác đá (-85,9%).

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 12 tăng 9,5% so với tháng trước; so với tháng 12/2014 tăng 10,7%. Ước cả năm tăng 8,2%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 11,1%; ngành hóa dược tăng 1,9%; ngành sản xuất điện tử tăng 6,2%; ngành cơ khí tăng 12,3% trong đó sản xuất xe tăng 61,1%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 11/2015 tăng 0,8% so với tháng trước; tăng 16,6% so tháng cùng kỳ; cộng dồn 11 tháng đầu năm tăng 6,3% so với năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ: sản xuất phương tiện vận tải khác (+92,7%); sản xuất xe (+49,3%); sản phẩm điện tử (+37,2%); vật liệu xây dựng (+19,5%); sản xuất đồ uống (+12,3%)... Các ngành có chỉ số tiêu thụ giảm gồm: dệt; sản phẩm cao su plastic; kim loại.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/12 tăng 10,9% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt; sản xuất trang phục; da; sản xuất sản phẩm cao su, plastic... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất giấy; hóa

chất; sản xuất máy móc thiết bị khác; sản xuất xe có động cơ; phương tiện vận tải khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế...

III. XÂY DỰNG

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm 2015 theo giá hiện hành ước đạt 190.840 tỷ đồng, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 14.805,8 tỷ đồng, chiếm 7,8%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 157.911,2 tỷ đồng, chiếm 82,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18.123 tỷ đồng, chiếm 9,5%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 52,3%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 28,6% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 19,1%.

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm 2015 theo giá so sánh ước đạt 160.056 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm 2014, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 12.418,4 tỷ đồng, tăng 7,8%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 132.430,5 tỷ đồng, tăng 12,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.207,1 tỷ đồng, tăng 11,5%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 25,4%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 0,6% và hoạt động xây dựng chuyên dụng giảm 9,5%.

IV. ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2015 ước thực hiện 285.160 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11,7%. Đây là năm có tốc độ tăng trưởng khá cao, năm 2013 tăng 7,2%; năm 2014 tăng 9,7%. Kinh tế chuyển biến tích cực, đặc biệt thị trường bất động sản nhiều khởi sắc là động lực để doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Thực hiện năm 2015 (tỷ đồng)	So với năm 2014(%)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	285.160	111,7	100,0
- Vốn nhà nước	56.213	109,3	19,7
- Vốn ngoài nhà nước	177.147	112,8	62,2
- Vốn nước ngoài	51.800	110,7	18,1

Vốn đầu tư so GDP đạt 29,8%, tỷ lệ này của năm 2014 là 29,4%.

Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố: 12 tháng ước thực hiện 20.800,2 tỷ đồng, đạt 87,3% kế hoạch năm, tăng 6,9% so với cùng kỳ; cấp thành phố ước thực hiện 11.713,5 tỷ đồng, chiếm 56,3%, tăng 7,2% so cùng kỳ; cấp quận huyện 9.086,7 tỷ đồng, chiếm 43,7%, tăng 6,6% so cùng kỳ.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

	Thực hiện năm 2015 (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Năm 2014
Tổng số	20.800,2	87,3	106,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	750,9	82,5	89,4
Cấp thành phố	11.713,5	85,0	107,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	280,6	95,5	48,6
Cấp quận huyện	9.086,7	76,0	106,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	470,3	76,2	178,8

Vào những tháng cuối năm thành phố đã bổ sung vốn (đợt 2) là 4.531,1 tỷ đồng, tăng kế hoạch vốn ngân sách năm lên 23.813,9 tỷ đồng.

Trong tháng các Sở ngành và khối quận huyện đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, cụ thể tháng 12 so với tháng 11 tăng 3,5 lần, so với tháng 12 cùng kỳ tăng 26,2%. Trong năm có nhiều dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; trong đó, đa số là các trường học phục vụ cho năm học 2015-2016... Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi trên, nguồn vốn ngân sách còn gặp một số khó khăn làm giảm khối lượng thực hiện trong năm như: Tiến độ đền bù giải tỏa ở các quận huyện gặp rất nhiều khó khăn; Chậm ban hành các quy định, phương án về quản lý thực hiện các dự án; Năng lực một số nhà thầu trong nước còn yếu, chưa đáp ứng được tài chính, máy móc công nghệ thi công để đảm bảo chất lượng tiến độ; Một số dự án còn thiếu vốn...

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân:

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 49.944 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 9.917,4 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 49.240 giấy phép, với diện tích 9.850,2 ngàn m² và 704 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 67,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 11,1% về giấy phép (+5.003) và tăng 19,5% về diện tích (+1.621,6 ngàn m²).

3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 555 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với vốn đăng ký đạt 2.810,3 triệu USD (cùng kỳ năm trước 2.842,8 triệu USD).

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 455 dự án, vốn đầu tư đạt 1.244,1 triệu USD; liên doanh 98 dự án, vốn đầu tư 1.560,3 triệu USD; hợp tác kinh doanh 2 dự án, vốn đầu tư 5,9 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: công nghiệp 63 dự án, vốn đầu tư 767,4 triệu USD, chiếm 27,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; xây dựng 31 dự án, vốn đầu tư 67,3 triệu USD; thương nghiệp 165 dự án, vốn đầu tư 167,3 triệu USD (chiếm 6%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 125 dự án, vốn đầu tư 169,4 triệu USD (chiếm 6%); hoạt động kinh doanh bất động sản 13 dự án, vốn đầu tư 1.497,6 triệu USD (chiếm 53,3%); thông tin truyền thông 86 dự án, vốn đầu tư 32,1 triệu USD; vận tải kho bãi 30 dự án, vốn đầu tư 25,8 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 44 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trong năm. Anh dẫn đầu với 10 dự án, vốn đầu tư 1.202,6 triệu USD, chiếm 42,8% tổng vốn; Hàn Quốc 120 dự án, vốn đầu tư 465,1 triệu USD (chiếm 16,6%); British Virgin Islands 25 dự án, vốn đầu tư 370,3 triệu USD (chiếm 13,2%); Singapore 83 dự án, vốn đầu tư 140,8 triệu USD (chiếm 5%); Hoa Kỳ 23 dự án, vốn đầu tư 135,1 triệu USD (chiếm 4,8%); Nhật Bản 96 dự án, vốn đầu tư 65,9 triệu USD (chiếm 2,3%); Hồng Kông 24 dự án, vốn đầu tư 51,6 triệu USD; Seychelles 1 dự án, vốn đầu tư 50 triệu USD; Trung Quốc 22 dự án, vốn đầu tư 34,4 triệu USD; Đài Loan 16 dự án, vốn đầu tư 6,7 triệu USD;...

Điều chỉnh vốn đầu tư 179 dự án, số vốn tăng 826,2 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/12 đạt 3.636,5 triệu USD**, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày 15/12 trên địa bàn thành phố 5.820 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt 39,1 tỷ USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn đầu tư nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/12 đã có 30.931 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 29,2% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó: công nghiệp chiếm 12,2%, tăng 21,8%; xây dựng chiếm 10,2%, tăng 37,7%; khu vực dịch vụ chiếm 76,9%, tăng 29,3%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: 918 doanh nghiệp tư nhân giảm 10,6%, 3.314 công ty cổ phần tăng 31,6% và 26.699 công ty TNHH tăng 24,7%.

Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 195.184 tỷ đồng, tăng 52,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực công nghiệp tăng 27,7%; xây dựng tăng 93,7%, khu vực dịch vụ tăng 48%. Quy mô vốn bình quân doanh nghiệp đạt 6,3 tỷ đồng, tăng 19%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, tổng số doanh nghiệp ngưng nghỉ 11 tháng đầu năm là 22.836 doanh nghiệp, bằng 75,8% số doanh nghiệp được mới được cấp mã số thuế, tăng 1,8% so cùng kỳ, trong đó có 4 doanh nghiệp nhà nước, 144 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 22.688 doanh nghiệp ngoài nhà nước. Bình quân 1 tháng có 2.076 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, con số này của năm 2014 là 2.038 doanh nghiệp.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản năm 2015 là 18.077,7 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 6% so năm trước; trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,3%; lâm nghiệp giảm 4,6%; thủy sản tăng 8,6%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 2015

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	Tỷ đồng	% so sánh với năm 2014
Tổng số	18.077,7	100,0	12.193,0	106,0
Nông nghiệp	12.780,1	70,7	9.301,7	105,3
Trồng trọt	4.204,3	23,3	3.467,7	104,4
Chăn nuôi	7.474,4	41,3	4.960,8	104,9
Dịch vụ	1.101,3	6,1	873,1	111,8
Lâm nghiệp	175,1	1,0	101,1	95,4
Thủy sản	5.122,6	28,3	2.790,2	108,6

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 12.780,1 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 5,3%; trong đó, trồng trọt chiếm 32,9% tăng 4,4%, chăn nuôi chiếm 58,5% tăng 4,9%, dịch vụ chiếm 8,6% tăng 11,8%.

1.1 Trồng trọt:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 44.228,5 ha, giảm 0,2% so với năm trước chủ yếu là do quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu. Trong đó, diện tích lúa 20.340,4 ha, giảm 2,2%, sản lượng ước đạt 87,6 ngàn tấn, giảm 1,1%; rau 9.297 ha, giảm 7,1%, sản lượng đạt 249,2 ngàn tấn, giảm 1,9%; bắp 1.057,2 ha, giảm 22,7%; diện tích đậu phộng giảm 24%; mía 1,7%. Năng suất các cây hàng năm đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ.

Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2015			% so sánh năm 2015 với năm 2014		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	44.228,5			99,8		
Lúa	20.340,4	43,1	87.598,6	97,8	101,1	98,9
Bắp	1.057,2	33,4	3.529,9	77,3	102,3	79,1
Rau	9.297	268,1	249.246,9	92,9	105,6	98,1
Đậu phộng	241,7	29,4	709,5	76,0	97,4	74,0
Mía	2.278,0	657,9	149.858,5	98,3	103,6	101,8

Vụ đông xuân 2015-2016: lúa đã xuống giống 621 ha, đạt 45% so với tiến độ gieo trồng năm trước, rau các loại gieo trồng 2.776 ha giảm 2,7% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại: diện tích lúa nhiễm sinh vật gây hại 11.329 lượt ha, thấp hơn 2.503 lượt ha so cùng kỳ (rầy nâu 1.582,7 lượt ha). Rau 8.894 lượt ha, thấp hơn 192 lượt ha so với cùng kỳ; hoa lan, cây kiếng 633 lượt ha, cao hơn 188 lượt ha. Trong đó, diện tích đã phòng trị 6.739 lượt ha bao gồm rau và hoa lan, cây kiếng.

1.2. Chăn nuôi: Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2015, đàn trâu 5.472 con giảm 0,9% so với thời điểm 1/10/2014; đàn bò 130,6 ngàn con tăng 0,7%, trong đó đàn bò sữa 103,6 ngàn con, chiếm 79,3% tổng đàn bò tăng 0,4%. Sản lượng sữa tươi đạt 268,2 ngàn tấn, tăng 5,6%. Đàn heo 307,7 ngàn con, tăng 5,7%. Tổng đàn gà 722,2 ngàn con, tăng 20,3% chủ yếu tập trung tại các hộ cho công ty CP và các trang trại gà Củ Chi 1, Củ Chi 2.

2. Lâm nghiệp

Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 175,1 tỷ đồng (giá thực tế), giảm 4,6% so với cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác chiếm 90,4%, giảm 5,6%, trồng nuôi rừng tăng 3,1%.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố hiện nay là 36.727,4 ha. Trong đó, diện tích đất có rừng là 34.411,6 ha, đạt tỉ lệ che phủ 16,5%; tỉ lệ diện tích che phủ rừng và cây xanh phân tán quy đổi trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt 40,01%.

Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 1.122 lượt tuần tra bảo vệ rừng; trong đó phối hợp chủ rừng thực hiện 37 lượt tuần tra, phối hợp với các xã và lực lượng giáp ranh 25 lượt tuần tra. Tại trạm cứu hộ động vật hoang dã huyện Củ Chi có hơn 265 cá thể thuộc 44 loài đang được chăm sóc, cứu hộ.

3. Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản năm 2015 ước đạt 5.122,6 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 8,6% so với năm trước. Trong đó, giá trị sản xuất nuôi trồng chiếm 75,1%, tăng 10,5%; khai thác chiếm 24%, tăng 1,7%; dịch vụ tăng 22,6%.

Sản lượng thủy sản ước đạt 58.639,8 tấn, tăng 6,3%. Trong đó, nuôi trồng chiếm 68,6%, tăng 10,6% chủ yếu do sản lượng hải sản khác tăng 26,4%; khai thác chiếm 31,4%, giảm 2%.

Tình hình thả nuôi tôm (tại huyện Cần Giờ): tính đến ngày 4/12, đã có 616 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 143,7 triệu con trên diện tích 3.252 ha. Tôm thẻ chân trắng 2.408 lượt hộ thả nuôi với 905,5 triệu con trên diện tích 2.038,8 ha.

Từ đầu năm đến nay, có 313 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 260,9 ha làm thiệt hại 125,2 triệu con giống. Có 131 hộ với 89,3 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

4. Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

4.1. Chương trình phát triển giống cây, giống con chất lượng cao

Trong năm 2015, Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng vật nuôi đã phát 3.200 liều tinh bò sữa giới tính Canada và tinh cao sản của Israel. Lũy kế từ khi thực hiện chương trình đến nay, đã phát 6.977 liều cho các đơn vị chăn nuôi trên địa bàn.

Tiếp tục công tác giám định, bình tuyển, kiểm tra chất lượng tinh heo, thực hiện chuyển giao kết quả đánh giá tiên bộ di truyền giống heo theo phương pháp BLUP, cải thiện chất lượng đàn heo.

Sưu tập được 102 giống cây kiểng, thử nghiệm, khảo nghiệm tính thích nghi của giống hoa mai ghép 12 cánh, 7 giống hoa đồng tiền; trồng thử nghiệm các giống bí, khổ qua, dưa leo, mướp hương với diện 26.000 m² tại các xã nông thôn mới.

4.2. Chương trình phát triển rau an toàn (VietGAP): từ đầu năm đến nay, đã chứng nhận cho 88 tổ chức, cá nhân với 108,6 ha diện tích gieo trồng. Lũy kế, tổng số hộ đã được chứng nhận VietGAP còn hạn trên địa bàn là 454 tổ chức, cá nhân với 1.012,7 ha diện tích gieo trồng.

4.3. Chương trình phát triển bò sữa

Bình tuyển, lập lý lịch giống bò sữa năm 2015 ước 4.812 con, đạt 96,2% kế hoạch, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Từ khi triển khai chương trình đến nay, đã bình tuyển, lập lý lịch 87 ngàn con.

Tiếp tục công tác khảo sát và theo dõi khả năng sinh sản, phối giống, năng suất sữa bò, đánh giá chất lượng đời sau các dòng tinh bò sữa trên địa bàn thành phố. Cân đo, giám định ngoại hình, xếp cấp bò sữa nuôi tại các hộ nuôi theo 2 phương pháp Canada và tiêu chuẩn 533-2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Giám sát các dự án trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel để đánh giá sự cải thiện trên các giống bò.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

Năm 2015 hoạt động của các đơn vị thương mại, dịch vụ trên địa bàn có sự cạnh tranh mạnh mẽ với nhiều nhà bán lẻ mới gia nhập thị trường. Nhiều hoạt động khuyến mãi được tổ chức thường xuyên, tuy nhiên sức mua của dân cư chỉ tăng mạnh ở những tháng đầu năm, từ tháng 5 đến tháng 10 sức mua chỉ đạt mức trung bình (mặc dù trong tháng 9 là tháng khuyến mãi), tháng 11 và tháng 12 sức mua đã tăng cao trở lại.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 12 ước đạt 65.786 tỷ đồng, tăng 6,6% so với tháng trước. Ước tính cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 678.085,7 tỷ đồng, tăng 10,5% so cùng kỳ năm 2014, loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tăng 10,3%. (năm trước loại trừ yếu tố giá tăng 8,04%);

Chia theo thành phần kinh tế: khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu trong tổng mức và có tốc độ tăng cao nhất. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ ngày càng lớn, tuy nhiên vẫn còn ở mức dưới 10% và có tốc độ tăng tương đối cao. Cụ thể như sau:

- Kinh tế nhà nước 87.579,5 tỷ đồng, chiếm 12,9%, tăng 1,3%;
- Kinh tế ngoài nhà nước 545.047,9 tỷ đồng, chiếm 80,4%, tăng 12,1%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 45.458,2 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 11%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 12 ước đạt 53.618 tỷ đồng, tăng 7% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 543.089,7 tỷ đồng, chiếm 80,1% trong tổng mức, tăng 11,1%.

Trong đó lương thực thực phẩm chiếm 17,8%; tăng 7,8%; May mặc chiếm 6,6%, tăng 4,6%; Đồ dùng, trang thiết bị gia đình chiếm 18,5%, tăng 9,6%; Phương tiện đi lại chiếm 7%, tăng 0,5% (trong đó ô tô các loại chiếm 2%, tăng 48,8%); Xăng dầu chiếm 9%, tăng 5,4%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 34,6%, tăng 20,4%.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính tháng 12 đạt 6.609,3 tỷ đồng, tăng 3,7% so tháng trước. Cả năm ước đạt 72.952,2 tỷ đồng, chiếm 10,8% trong tổng mức, tăng 6,1%. Trong đó: **doanh thu khách sạn** tăng 10,1%. **Doanh thu nhà hàng** tăng 5,8%.

c. Du lịch: tháng 12 ước đạt 1.698,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 18.795,9 tỷ đồng, chiếm 2,8% trong tổng mức, tăng 12,7%.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: tháng 12 ước đạt 3.859,9 tỷ đồng, tăng 3,7% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 43.247,9 tỷ đồng, chiếm 6,4% trong tổng mức, tăng 10,3%. Trong đó giáo dục tăng 6,9%, y tế tăng 8,7%, vui chơi giải trí tăng 11,3%.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 giảm nhẹ với mức -0,11% so với tháng 11, cả năm 2015 giảm 0,2%.

Trong tháng 12 có 5 nhóm hàng giảm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,17%); nhóm may mặc mũ nón giày dép (-0,01%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (-1,23%); nhóm giao thông (-1,83%); nhóm văn hóa giải trí du lịch (-0,58%); 5 nhóm hàng tăng nhẹ so tháng trước: nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,14%); nhóm nhà ở điện nước (+0,60%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,18%); nhóm giáo dục (+0,04%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,41%). Riêng nhóm bưu chính viễn thông không biến động.

Biến động một số nhóm hàng chủ yếu trong tháng như sau:

Nhóm hàng ăn:

+ Lương thực: Tháng 12 giá lương thực chỉ biến động nhẹ với mức giảm (-0,09%) so tháng trước, nhìn chung do ảnh hưởng từ tình hình khó khăn của xuất khẩu gạo đẩy giá bán lẻ trong nước liên tục giảm từ đầu năm đến nay, nếu tính từ đầu năm đến nay thì giá lương thực giảm 1,33%, trong đó: giá gạo các loại giảm xấp xỉ 1,30%.

+ Nhóm thực phẩm: Tháng 12/2015 giá thực phẩm giảm nhẹ (+0,26%) so tháng trước, trong đó: Các nhóm mặt hàng giảm so tháng trước gồm: Thịt heo (-1,30%); Thịt gia cầm tươi sống (-0,55%); Thịt chế biến (-0,06%); Trứng các loại (-1,59%); Đậu hạt các loại (-0,36%); Rau các loại (-0,34%); Trái cây các loại (-0,90%); Đường mật các loại (-0,21%); Bơ sữa phomat (-0,15%), Bên cạnh đó một số nhóm mặt hàng tăng so tháng trước: Thịt bò (+0,19%); Dầu mỡ ăn (+0,29%); Thủy sản tươi sống (+0,12%); Thủy sản sản chế biến (+1,45%); Nước mắm nước chấm (+0,53%); Đồ gia vị (+1,19%); Chè cà phê các loại (-0,53%)... Tính cả năm giá thực phẩm bình quân một tháng tăng xấp xỉ 0,12%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD: tăng nhẹ 0,60% so tháng trước chủ yếu do giá một vài loại vật liệu xây dựng như: cát, xi măng, gạch xây, gas, điện sinh hoạt... tăng nhẹ so tháng trước, bên cạnh đó tiền công lao động liên quan đến các dịch vụ sơn, sửa chữa nhà, sửa chữa điện nước... đều tăng đã làm cho chỉ số nhóm này tăng cao, riêng giá dầu hỏa giảm nhẹ so tháng trước (-2,55%) do 2 lần điều chỉnh giảm trong tháng, các mặt hàng khác biến động không đáng kể, nếu so với đầu năm chỉ số nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD giảm 0,68%, bình quân một tháng giảm xấp xỉ 0,04%.

Nhóm giao thông giảm 1,83% so tháng trước, chủ yếu do giá vé ô tô khách giảm 4,43%, giá cước vận tải, giá nhiên liệu đồng loạt giảm trong tháng đã góp phần vào việc giảm giá nhóm giao thông trong tháng, nếu so đầu năm chỉ số giá nhóm giao thông đã giảm 10,98%, bình quân một tháng giảm 0,98%.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: tăng nhẹ 0,18% so tháng trước chủ yếu là do một vài loại thuốc: giảm đau hạ sốt (+7,09%), nhóm thuốc tác động vào hệ nội tiết (+5,05%), nhóm thuốc đường tiêu hóa (+1,81%), các nhóm giảm so tháng trước gồm: nhóm thuốc chống nhiễm ký sinh trùng (-0,75%), nhóm tim mạch (-0,25%), nhóm thuốc tác động trên đường hô hấp (-0,34%) và một vài loại dụng cụ y tế đều giảm nhẹ, các mặt hàng còn lại thuộc nhóm y tế không biến động, nhưng nếu so với đầu năm chỉ số nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 5,59% do tác động của việc điều chỉnh tăng 8 dịch vụ kỹ thuật tác động trực tiếp đến chỉ số giá CPI của thành phố theo đúng lộ trình từ 75% tăng lên 85% mức giá quy định tại TTLT 04, việc điều chỉnh được thực hiện vào tháng 6/2015 và tháng

7/2015 theo đó khám chữa bệnh ngoại trú và khám chữa bệnh nội trú lần lượt tăng 8,91% và 3,80% so với cùng kỳ và so tháng 12 năm trước.

Nhóm Giáo dục: Nhìn chung không thay đổi giá so tháng trước, nhưng so với đầu năm chỉ số nhóm này đã tăng 1,86%, do từ tháng 8/2015, 9/2015 là những tháng bước vào năm học mới 2015 - 2016 tại TP HCM một số trường tư nhân và dân lập có điều chỉnh khung học phí mới tăng nhẹ 1,90% so đầu năm.

Nhóm văn hóa giải trí du lịch: giảm 0,58% so tháng trước chủ yếu do một số mặt hàng thuộc nhóm thiết bị văn hóa như đầu đĩa, máy ảnh giảm giá do khuyến mãi kích cầu, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm này không biến động, riêng các dịch vụ du lịch trọn gói trong nước và ngoài nước giảm mạnh trong tháng do ít khách với mức giảm lần lượt là -2,89% và -3,38% so tháng trước.

Chỉ số giá tháng 12

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 12 so với tháng trước		Tháng 12 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ số giá tiêu dùng	99,64	99,89	101,65	99,8
Trong đó: Lương thực	100,24	99,91	100,22	98,67
Thực phẩm	100,26	99,74	103,36	101,31
2. Chỉ số giá vàng	99,44	98,47	98,98	94,16
3. Chỉ số giá USD	100,53	101,11	101,11	105,65

Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng qua các tháng

So với tháng trước	Đơn vị tính: %		
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tháng 1	+0,44	+0,40	-0,48
Tháng 2	+1,00	+0,24	-0,40
Tháng 3	-0,29	-0,46	+0,16
Tháng 4	-0,33	-0,04	+0,03
Tháng 5	-0,16	+0,36	+0,30
Tháng 6	+0,12	+0,58	+0,62
Tháng 7	+0,17	+0,12	+0,11
Tháng 8	+0,31	+0,05	-0,12
Tháng 9	+3,13	+1,13	-0,47
Tháng 10	+0,17	-0,03	+0,06
Tháng 11	+0,17	-0,36	+0,10
Tháng 12	+0,39	-0,36	-0,11
Tháng 12 so với tháng 12 năm trước	+5,20	+1,65	-0,20

Trong năm có 5 tháng giá giảm, 7 tháng giá tăng, mức tăng cao nhất vào tháng 6 (+0,62%) do ảnh hưởng của điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giá xăng dầu, mức tăng thấp nhất vào tháng 4 (+0,03%).

Chỉ số giá tiêu dùng cả năm là -0,20%, năm trước tăng 1,65%.

Giá vàng giảm 1,53% so tháng 11, giảm 5,84% so tháng 12/2014; tỷ giá USD tăng 1,11% so tháng 11 và tăng 5,65% so tháng 12/2014.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước tháng 12 ước đạt 3.132,7 triệu USD, tăng 25,5% so với tháng trước. Ước tính cả năm đạt 30.588,2 triệu USD, giảm 2,4% so năm trước.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu cả năm 2015 ước đạt 26.895,7 triệu USD, tăng 11,3%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô tháng 12 ước đạt 2.421,7 triệu USD, tăng 1,9% so tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.206,5 triệu USD, tăng 1% so với tháng trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.215,2 triệu USD, tăng 2,9%.

Ước tính cả năm đạt 27.274,9 triệu USD, giảm 6,5% so năm trước (giảm 1.887,1 triệu USD); Nếu loại trừ dầu thô, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 23.582,4 triệu USD, tăng 7,3%.

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước 5.185,2 triệu USD, chiếm 19%, giảm 41,6%. Nếu loại trừ dầu thô, giảm 12,1%.
- Kinh tế ngoài nhà nước 9.114,8 triệu USD, chiếm 33,4%, tăng 0,5%.
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12.974,9 triệu USD, chiếm 47,6%, tăng 15,7%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12 2015	12 tháng 2015	Tháng 12 với tháng 11	12 tháng so cùng kỳ 2014
Tổng số	2.188,7	23.582,4	104,6	107,3
Kinh tế trong nước	973,5	10.607,5	106,9	98,5
Kinh tế Nhà nước	199,0	1.492,6	107,9	87,9
Kinh tế Ngoài nhà nước	774,5	9.114,8	106,6	100,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.215,2	12.974,9	102,9	115,7

Chia theo nhóm hàng: các nhóm hàng nông sản, lâm sản, thủy hải sản có tỷ trọng giảm so năm trước, riêng nhóm hàng công nghiệp có xu hướng tăng lên dần.

+ Nhóm hàng nông sản đạt 3.694,3 triệu USD; tăng 19,3% và chiếm tỷ trọng 15,7% (năm 2014 đạt 4.118,3 triệu USD, chiếm 18,7%, tăng 17,4%). Trong đó xuất khẩu gạo chiếm 5% trong tổng kim ngạch, giảm 9,4% (lượng giảm 50,2%, giá tăng 81,8%). Cà phê chiếm 2,3%, giảm 26,6% (lượng giảm 20,8%, giá bình quân giảm 7,3%).

+ Nhóm hàng thủy hải sản đạt 682,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,9%, giảm 10,8%, (năm 2014 đạt 764,8 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 15,1%).

+ Nhóm hàng lâm sản đạt 455,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,9%, giảm 22,5% (năm 2014 đạt 516,1 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 20,3%).

+ Nhóm hàng công nghiệp đạt 17.022,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 72,2%, tăng 14,3% (năm 2014 đạt 14.891,4 triệu USD, chiếm 66,7%, tăng 11,1%). Trong đó nhóm hàng máy tính, sản phẩm điện tử chiếm 19,4% trong tổng kim ngạch, tăng 59%, chủ yếu thuộc khu vực đầu tư nước ngoài. Hàng may mặc chiếm 22,5%, tăng 1,9% so cùng kỳ. Hàng giày dép chiếm 10,5%, tăng 7,7% so cùng kỳ.

+ Nhóm hàng hóa khác đạt 1.727,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,3%, tăng 2,1% (năm 2014 đạt 1.692,3 triệu USD, chiếm 7,7%, tăng 16,8%).

Riêng dầu thô xuất 9.056,6 ngàn tấn, trị giá 3.692,6 triệu USD, chiếm 12,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 49% (lượng giảm 2,1%, giá bình quân giảm 52,6%).

Chia theo thị trường: Hoa Kỳ chiếm 18,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 11,8% so năm trước, Trung Quốc chiếm 14,4%, tăng 10,3%. Nhật Bản chiếm 11,3%, giảm 26,8%, Malaysia chiếm 5%, giảm 13,8%, Hồng Kông chiếm 4,5%, tăng 53,4%...

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước tháng 12 ước đạt 3.374,9 triệu USD, tăng 11% so với tháng trước. Ước tính cả năm đạt 33.752,3 triệu USD, tăng 9,4% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 12 ước đạt 2.836,9 triệu USD, tăng 4,4% so với tháng trước.

Ước tính cả năm đạt 29.449,8 triệu USD, tăng 14,9% so với năm 2014. Kinh tế nhà nước chiếm 5,5%, giảm 8,1%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 55,5%, tăng 12,4%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 39%, tăng 23,3%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12	12 tháng	Tháng 12 với tháng 11	12 tháng so cùng kỳ 2014
Tổng số	2.836,9	29.449,8	104,4	114,9
Kinh tế Nhà nước	160,2	1.619,0	108,2	91,9
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.564,0	16.351,3	105,3	112,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.112,7	11.479,5	102,6	123,3

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong năm 2015:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 463,4 triệu USD, chiếm 1,6%, giảm 8,4%.

+ Nhiên liệu: đạt 612 triệu USD, chiếm 2,1%, tăng 19,8% (lượng tăng 83,6%, giá bình quân giảm 34,8%)

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 837,7 triệu USD, chiếm 2,8%, tăng 3,3%.

+ Vải các loại nhập 2.405,4 triệu USD, chiếm 8,2%, tăng 4,1%

- + Sắt thép đạt 1.382 triệu USD, chiếm 4,7%, giảm 4,5%.
- + Tân dược đạt 1.261,4 triệu USD, chiếm 4,3%, tăng 22,7%.
- + Chất dẻo đạt 1.537,6 triệu USD, chiếm 5,2%, giảm 5,2%.
- + Ôtô nguyên chiếc các loại 18.294 chiếc, trị giá 240,6 triệu USD, chiếm 0,8%, tăng 35,8%.

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 22% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 26,7% so cùng kỳ; Singapore chiếm 9%, giảm 28,1; Nhật Bản chiếm 7,5%, tăng 24,2%; Hàn Quốc chiếm 6,8%, tăng 10,5%; Israel chiếm 6,5%, tăng 2,6 lần, Thái Lan chiếm 6,4%, tăng 31,3%; Đài Loan chiếm 5,4%, giảm 9,3%...

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 12 ước đạt 7.372,7 tỷ đồng, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 16,7% so với cùng kỳ 2014.

Ước tính cả năm đạt 74.589,7 tỷ đồng, tăng 17,7% so với năm trước. Vận tải hàng hóa chiếm 70,4%, tăng 17,6% so năm trước; vận tải hành khách chiếm 29,6%, tăng 18%. Khu vực nhà nước chiếm 10,4%, giảm 0,2%; ngoài nhà nước chiếm 83,5%, tăng 19,6%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,1%, tăng 32,3%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2015

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 2015 so 2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	52.535,7	22.054,0	117,6	118,0
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	6.506,1	1.397,7	99,0	104,9
Kinh tế ngoài nhà nước	45.768,0	17.112,6	120,9	116,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	261,7	3.543,8	105,6	134,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	29.432,7	18.477,3	119,0	115,0
Đường sông	5.260,2	438,2	123,8	119,4
Đường biển	17.737,7		113,5	
Hàng không	105,2	3.138,5	158,5	139,3

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 5.462 tỷ đồng, tăng 4,5% so tháng trước. Ước tính cả năm 2015 đạt 52.535,7 tỷ đồng, tăng 17,6% so năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 12,4%, giảm 1%. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 87,1%, tăng 20,9%.

Vận tải đường bộ chiếm 56%, tăng 19%. Vận tải đường biển chiếm 33,8%, tăng 13,5%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 1.910,7 tỷ đồng, tăng 4,2% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 22.054 tỷ đồng, tăng 18% so năm trước. Kinh tế nhà nước chiếm 6,3%, tăng 4,9%. Ngoài nhà nước chiếm 77,6%, tăng 16,1%, kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 16,1%, tăng 34,8%.

Vận tải đường bộ chiếm 83,8%, tăng 15%, đường hàng không chiếm 14,2%, tăng 39,3%.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 12 tháng ước thực hiện 280.767 tỷ đồng, đạt 104,8% dự toán, tăng 10,1% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 160.412 tỷ đồng, đạt 111,6% dự toán, tăng 21,3% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 22.966 tỷ đồng, đạt 71,8% dự toán, giảm 29,2% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 95.000 tỷ đồng, đạt 105,6% dự toán, tăng 7,4% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng thu	267.926	280.767	104,8	110,1
Tổng thu cân đối ngân sách NN	265.776	278.377	104,7	110,0
I- Thu nội địa	143.776	160.412	111,6	121,3
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	28.200	28.776	102,0	109,0
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.600	34.727	103,4	118,9
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	42.023	41.538	98,8	112,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	90.000	95.000	105,6	107,4
III- Thu từ dầu thô	32.000	22.966	71,8	70,8

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,9% tổng thu nội địa, tăng 9,0% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 17.737 tỷ đồng, đạt 98,8% dự toán, tăng 9,1% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 11.038 tỷ đồng, đạt 107,7% dự toán, tăng 8,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 34.727 tỷ đồng, tăng 18,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 41.538 tỷ đồng, tăng 12,5%. Thu khác 55.371 tỷ đồng, tăng 39,5% so cùng kỳ; trong đó thuế thu nhập cá nhân 20.577 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 15.181 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 12 tháng ước đạt 90.035 tỷ đồng, đạt 167,6% dự toán, tăng 57,3% so cùng kỳ năm 2014.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 12 tháng ước thực hiện 59.735 tỷ đồng, đạt 109,4% dự toán, tăng 17,7% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng chi (trừ tạm ứng)	54.616	59.735	109,4	117,7
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	21.375	26.268	122,9	122,9
Trong đó: trả lãi và vốn vay	4.416	6.422	145,4	189,5
II- Chi thường xuyên	31.500	30.766	97,7	106,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.210	4.063	96,5	106,6
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.759	8.911	101,7	109,8
Sự nghiệp y tế	3.127	2.902	92,8	86,0
Quản lý hành chính	4.942	5.090	103,0	106,3

Chi đầu tư phát triển 26.268 tỷ đồng, đạt 122,9% dự toán, tăng 22,9% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 30.766 tỷ đồng, đạt 97,7% dự toán, tăng 6,8% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 4.063 tỷ đồng, đạt 96,5% dự toán, tăng 6,6%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 8.911 tỷ đồng, đạt 101,7% dự toán, tăng 9,8%; chi sự nghiệp y tế 2.902 tỷ đồng, đạt 92,8% dự toán, giảm 14,0%; chi quản lý hành chính 5.090 tỷ đồng, đạt 103,0% dự toán, tăng 6,3% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.516,6 ngàn tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước (chỉ số này tháng trước: -0,2%) và tăng 17,6% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,3% tổng vốn huy động, tăng 14,6% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,3%, tăng 15,1% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm 84,7% tổng vốn huy động, tăng 18,1% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 53,3% tổng vốn huy động, tăng 14,2% so với tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.190,2 ngàn tỷ đồng, so với tháng 12/2014 tăng 11,5% và tăng 14,7% so với tháng cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 663,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,8% tổng dư nợ, tăng 14,9% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11/2015, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 309 gồm 308 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, không thay đổi về số lượng mã cổ phiếu so với cuối tháng 10/2015 (ngày 05/11/2015 mã cổ phiếu DAT của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản giao dịch ngày đầu tiên; ngày 27/11/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu BT6 của Công ty Cổ phần Beton 6)

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.136.635,36 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cuối năm 2014. Trong tháng 11/2015 có 21 phiên giao dịch, 6 phiên tăng điểm và 15 phiên giảm điểm. Trong tháng 11, VN-Index có xu hướng giảm mạnh khi các phiên giảm điểm chiếm đa số. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 573,20 điểm, giảm 5,6% (tương ứng giảm 34,17 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 5,1% (tương ứng tăng 27,57 điểm) so với cuối năm 2014.

Khối lượng giao dịch của tháng 11/2015 đạt 2.799,13 triệu chứng khoán, tăng 6,4% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 48.970,93 tỷ đồng, tăng 3,4% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 133,29 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.331,95 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 11,4% và giá trị giao dịch tăng 8,4% so với tháng trước.

Từ đầu năm đến cuối tháng 11/2015, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 24/08 với 526,93 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 14/07 với 638,69 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2015	11 tháng năm 2015	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.799,13	25.658,61	106,4	92,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.787,55	25.577,50	106,6	91,9
Trái phiếu	8,34	45,87	68,6	158,5
Chứng chỉ quỹ & ETF	3,24	35,24	76,2	192,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.569,35	23.254,60	111,5	89,3
Giao dịch thỏa thuận	229,78	2.404,01	70,5	131,3
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	48.970,93	443.702,19	103,4	91,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	48.028,43	438.672,35	104,4	90,5
Trái phiếu	910,87	4.694,60	71,5	174,4
Chứng chỉ quỹ & ETF	31,63	335,24	77,1	182,8
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	41.186,62	380.613,17	103,3	89,0
Giao dịch thỏa thuận	7.784,31	63.089,02	104,4	105,7

Cập nhật đến ngày 15/12/2015, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.124.734,66 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cuối năm 2014. VN-Index tại ngày 15/12/2015 đạt 568,00 điểm, tăng 22,37 điểm so với cuối năm 2014 (tương ứng tăng 4,1%).

X. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VIỆC LÀM VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Dân số, lao động việc làm:

Ước tính dân số bình quân trên địa bàn thành phố năm 2015 có 8.224,4 ngàn người, tăng 1,69% so với năm 2014.

Giải quyết việc làm: trong năm thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm 295,3 ngàn lượt người, vượt 11,4% kế hoạch năm, tăng 1,8% so năm trước. Số chỗ việc làm mới được tạo ra trong năm là 123,8 ngàn chỗ, vượt 3,2% kế hoạch năm, tăng 2% so với năm trước.

Bảo hiểm thất nghiệp: Từ đầu năm đến 31/11/2015, trên địa bàn thành phố có 100.969 người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 8,9% (giảm 9.940 trường hợp); 81.860 lượt người được tư vấn, giới thiệu việc làm; 14.758 người được hỗ trợ học nghề, tăng 22,62% (tăng 2.723 trường hợp).

2. Hoạt động văn hóa:

Về hoạt động lễ hội: Trong năm, các lễ hội đã được tổ chức thực hiện tốt như: Lễ hội đón chào năm mới Tết Nguyên đán Ất Mùi, kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm 40 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9... thể hiện lòng tri ân, tưởng nhớ những công lao vĩ đại của các vị lãnh tụ, anh hùng đã

dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Về hoạt động văn hóa cơ sở: Ban chỉ đạo Thành phố ban hành Kế hoạch số 604/KH-BCĐ ngày 03/02/2015 về Phối hợp tổ chức lễ phát động thực hiện phong trào “Vì Thành phố Văn minh – Sạch đẹp – An toàn” qua đó vận động nhân dân toàn Thành phố thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn Thành phố sạch đẹp và đảm bảo cuộc sống an toàn cho người dân, triển khai nội dung phong trào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong năm 2015 đến các quận - huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố. Công tác kiểm tra kết quả thực hiện ở cơ sở cũng được tổ chức tốt.

Về hoạt động nghệ thuật: Đã hoàn thành tốt nhiều chương trình biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị. Trong năm, các đơn vị nghệ thuật công lập ước thực hiện 1.550 suất diễn và nhiều chương trình văn hóa nghệ thuật đặc sắc phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân. Đã tổ chức 558 suất biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, ngoại thành, trường trại, thu hút hơn 164.800 lượt người xem. Hoạt động biểu diễn kịch nói hiện nay trên địa bàn Thành phố rất phong phú, đa dạng. Các chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài được tổ chức quy mô, thu hút hàng chục ngàn khán giả.

Về hoạt động Thư viện: Công tác phục vụ bạn đọc của Thư viện Khoa học Tổng hợp được tổ chức khá chuyên nghiệp với các loại hình dịch vụ, tài liệu phục vụ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Thư viện đã tham gia phục vụ các lễ hội sách, Ngày sách Việt Nam, lễ hội Áo Dài... Tổ chức 17 đợt triển lãm sách; phục vụ lưu động 20 chuyến. Lượt bạn đọc tại Thư viện ước đạt 1.170.000 lượt, đạt 106% kế hoạch năm.

Về công tác bảo tàng: Trong năm, 7 Bảo tàng của thành đã tổ chức trên 200 cuộc trưng bày, triển lãm, phục vụ trên 3,2 triệu lượt khách, tăng 41 ngàn lượt khách so với năm 2014, trong đó khách nước ngoài là trên 818 ngàn lượt khách (tăng 4% so cùng kỳ năm trước).

Về công tác thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính: Trong năm, đã tiến hành kiểm tra 570 cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố, quyết định xử phạt hành chính đối với 327 tổ chức và cá nhân vi phạm với số tiền phạt là 4,3 tỷ đồng.

Đoàn kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra 181 cơ sở, xử phạt 174 cơ sở vi phạm với số tiền phạt là 11 tỷ đồng và tịch thu nhiều tang vật.

3. Thể dục thể thao

Thể dục thể thao cộng đồng: Tỷ lệ người tập luyện thường xuyên ước đạt 28,5% (đạt 102% so với kế hoạch đề ra). Phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn 24 quận huyện đã diễn ra rất sôi nổi với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Nhiều hoạt động thể thao dành cho cộng đồng được tổ chức dưới hình thức xã hội hóa thu hút sự quan tâm, số lượng người tham dự đông đảo. Hệ thống giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên tại mỗi niên học được duy trì thường xuyên đã thu hút sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo học sinh, sinh viên. Giải thể

thao người khuyết tật toàn quốc 2015, Đoàn Thể thao người khuyết tật Thành phố với 342 VĐV, tham dự thi đấu ở 7 môn, tiếp tục giữ vững vị trí nhất toàn đoàn

Thể thao thành tích cao:

- Công tác tập huấn từ đầu năm đến nay: có 36 lượt HLV, 205 lượt VĐV thuộc 36 môn thể thao của Thành phố được triệu tập vào đội dự tuyển quốc gia (cùng kỳ năm 2014 có 33 lượt HLV, 141 lượt VĐV thuộc 23 môn) và 12 HLV, 54 VĐV thuộc 10 môn vào đội trẻ quốc gia (cùng kỳ năm 2014 có 19 HLV, 85 VĐV thuộc 13 môn).

- Tập huấn trong nước: cử 349 lượt HLV, 1.750 VĐV, 6 chuyên gia thuộc 16 môn thể thao.

- Tập huấn nước ngoài: cử 26 HLV, 119 VĐV, 1 chuyên gia thuộc 16 môn thể thao

Tổ chức 120 giải Thành phố, trong đó có 78 giải trong hệ thống, 15 giải phong trào, CLB, mở rộng; Đăng cai tổ chức 19 giải toàn quốc và 16 giải quốc tế.

- Tham dự giải trong nước: Cử 659 lượt HLV, 3.879 lượt VĐV, 12 lượt chuyên gia, 94 lượt trọng tài.

- Giải Vô địch quốc gia: đạt 203 HCV, 147 HCB, 151 HCD; Nhất toàn đoàn 17 môn; Nhì toàn đoàn 8 môn.

- Giải Trẻ quốc gia: đạt 236 HCV, 183 HCB, 201 HCD; Nhất toàn đoàn 17 môn; Nhì toàn đoàn 3 môn.

- Giải quốc tế: cử 161 lượt HLV, 10 lượt chuyên gia, 776 lượt VĐV, 25 lượt trọng tài thuộc 41 môn.

Trong đó, tại các giải quốc tế chính thức, các VĐV Thành phố đã giành được 108 HCV, 68 HCB, 53 HCD.

Tại các giải toàn quốc, thể thao Thành phố đã giành được 751 HCV, 529 HCB, 575 HCD. Về thi đấu Quốc tế: đạt 215 HCV, 114 HCB, 109 HCD. Các VĐV mũi nhọn của Thành phố vẫn giữ được thế mạnh tại các giải trong nước và giải Quốc tế. Thành phố là một trong những địa phương đóng góp nhiều lực lượng cho đội tuyển quốc gia. Riêng tại SEA Games 28 năm 2015 tổ chức tại Singapore, thể thao Thành phố đã đóng góp 111 thành viên thuộc 22/28 môn thể thao trong tổng số 570 thành viên của Đoàn Thể thao Việt Nam. Các VĐV Thành phố đã góp phần mang về 10 HCV, 8 HCB, 10 HCD trong tổng số 73 HCV, 53 HCB, 60 HCD của Đoàn Thể thao Việt Nam.

4. Y tế

*** Tình hình dịch bệnh**

Bệnh Sốt xuất huyết: Số ca Sốt xuất huyết nhập viện từ 1/1/2015 – 15/10/2015 là 11.768 ca, tăng 94,2% so cùng kỳ năm 2014. Tử vong 04 ca (cùng kỳ năm 2014 tử vong: 05 ca).

Bệnh tay chân miệng: Số ca nghi ngờ Tay chân miệng nhập viện từ 1/1/2015 – 15/10/2015 là 6.593 ca giảm 15% so cùng kỳ năm 2014; không có ca tử vong (năm 2014 có 1 ca tử vong).

Các bệnh truyền nhiễm khác: trong khả năng kiểm soát, không xuất hiện ổ dịch.

* **Vệ sinh an toàn thực phẩm:** từ đầu năm đến 15/10/2015 đã cấp 1.608 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho người trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm với 24 lớp/1.880 người học. Tổ chức thi: 07 lớp, với 875 người.

Trong năm đã xảy ra 06 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số người mắc là 248 người.

* **Công tác khám chữa bệnh và điều trị:**

Trong năm, ước tính số lượt người được khám và điều trị là 30 triệu lượt. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú 1,4 triệu lượt.

5. Giáo dục

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2014-2015

Cấp tiểu học: Tổng số học sinh lớp 5 là 102.523 học sinh, trong đó nữ là 49.399 học sinh. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 102.503 học sinh (đạt 99,98%), trong đó nữ là 49.388 học sinh (đạt 99,98%).

Cấp trung học cơ sở: Số học sinh tốt nghiệp lớp 9 phổ thông năm học 2014-2015 là 85.069 học sinh (tỷ lệ đạt 99,64% so số dự thi), trong đó nữ là 41.771 học sinh (tỷ lệ đạt 99,36%).

Cấp trung học phổ thông : Năm nay thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia, kết hợp xét tuyển đại học theo điểm tốt nghiệp. Thành phố có 66.316 học sinh dự thi. Trong đó Hệ phổ thông là 60.772 học sinh, Hệ bổ túc văn hóa là 5.544 học sinh. Kết quả có 62.730 (94,59%) học sinh dự thi đạt tốt nghiệp năm học 2014-2015. Trong đó, hệ phổ thông là 59.188 học sinh, tỷ lệ thi đạt là 97,39%; hệ bổ túc văn hóa là 3.542 học sinh, tỷ lệ đỗ là 63,89%.

Tình hình năm học 2015 – 2016:

Mầm non: toàn thành phố có 1.006 trường mẫu giáo, mầm non tăng 67 trường so với cùng kỳ; số phòng học 13.444, tăng 0,53%. Số lớp học 12.385 lớp, tăng 5,48% và số giáo viên 20.875 người, tăng 6,79%. Số học sinh bình quân 1 lớp 27,07 học sinh (năm học trước 27,39 học sinh).

Phổ thông: có 944 trường, tăng 6 trường so với cùng kỳ. Số phòng học là 26.299 phòng, trong đó số phòng học mới đưa vào sử dụng là 1.612 phòng. Số lớp học là 28.698, tăng 2,86%. Số giáo viên là 49.442 giáo viên, tăng 1,97%. Số học sinh là 1.161.800, tăng 3,51% so cùng kỳ.

6. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2014 đến 16/11/2015)

*** Vi phạm kinh tế và môi trường**

Phát hiện và xử lý 2.181 vụ, 1.928 đối tượng vi phạm về lĩnh vực kinh tế, trị giá thiệt hại tài sản khoảng 1.172 tỷ đồng. Khởi tố mới 598 vụ với 541 bị can, đã xử phạt hành chính 1.418 vụ, nộp Ngân sách Nhà nước trên 31,2 tỷ đồng.

Phát hiện 634 vụ vi phạm về lĩnh vực môi trường, xử phạt hành chính 386 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước trên 28,4 tỷ đồng.

* **Phạm pháp hình sự:** Đã xảy ra 6.071 vụ phạm pháp hình sự, giảm 4,8% (-309 vụ) so năm trước, làm chết 108 người, bị thương 921 người, thiệt hại tài sản khoảng 132 tỷ đồng. Đã điều tra khám phá 19.656 vụ (đạt 66,8%); triệt phá 2.101 băng nhóm, bắt 8.691 tên tội phạm.

* **Phòng chống tệ nạn xã hội**

Ma túy: Đã điều tra, khám phá 1.552 vụ, bắt 3.296 tên, thu giữ 36,7 kg heroin, 86,1 kg ma túy tổng hợp, 30 kg cocain, 4,6 kg PSE...Khởi tố 1.150 vụ với 1.562 bị can, xử phạt hành chính 373 vụ với 1.516 đối tượng.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: Đã triệt phá 29 ổ mại dâm, xử lý 127 đối tượng.

Cờ bạc, cá độ: Phát hiện, xử lý 300 vụ cờ bạc, bắt 1.875 người tham gia, thu giữ trên 2,5 tỷ đồng và nhiều tang vật khác.

* **Trật tự an toàn giao thông**

Tai nạn giao thông đường bộ: đã xảy ra 3.739 vụ, giảm 1,2% (-47 vụ) so năm trước, làm chết 650 người, bị thương 3.000 người. Phát hiện xử lý 726.503 trường hợp vi phạm luật giao thông đường bộ. Xử phạt 607.748 trường hợp, chuyển Kho bạc Nhà nước thu 247,5 tỷ đồng; tước giấy phép lái xe 52.657 trường hợp; tạm giữ 34.108 xe vi phạm các loại.

Tai nạn đường sắt: xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người.

Tai nạn đường thủy: xảy ra 14 vụ trên tuyến đường thủy nội địa, làm chết 01 người, thiệt hại tài sản khoảng 209 triệu đồng; Xảy ra 07 vụ tai nạn giao thông trên tuyến hàng hải, thiệt hại về tài sản khoảng 60 triệu đồng.

* **Về tình hình cháy, nổ:** xảy ra 561 vụ cháy, giảm 18,2% (-125 vụ) so năm trước, làm chết 06 người (giảm 12 người) và bị thương 37 người (tăng 17 người); thiệt hại tài sản ước tính trên 423,5 tỷ đồng (có 66 vụ chưa ước tính thiệt hại). Ngoài ra còn xảy ra 13 vụ tự đốt gây cháy, làm chết 04 người và bị thương 08 người. Thiệt hại về tài sản ước khoảng 40 triệu.

Đã xảy ra 05 vụ nổ, giảm 01 vụ, làm chết 02 người (giảm 6 người), bị thương 9 người, thiệt hại về tài sản ước khoảng 6 triệu (trong đó 02 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

7. Công tác giảm nghèo:

Kết quả trong 11 tháng đầu năm 2015, toàn thành phố có 13.013 hộ nghèo vượt chuẩn nghèo (đạt 86,75% kế hoạch năm). Số hộ vượt chuẩn cận nghèo là 21.933 hộ (đạt tỷ lệ 109,66 % kế hoạch năm).

Ước tính đến cuối năm, thành phố còn 9.905 hộ nghèo (thu nhập từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống), chiếm 0,5% hộ dân thành phố. Số hộ cận nghèo 35.117 hộ (thu nhập trên 16 triệu đến 21 triệu đồng/người/năm), chiếm tỷ lệ 1,79% hộ dân thành phố.

Tổng quỹ giảm nghèo có 297,891 tỷ đồng, tồn quỹ 61,38 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 20,6% nguồn quỹ), trong đó tại quận-huyện, phường-xã là 52,598 tỷ đồng và thành phố là 8,781 tỷ đồng;

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo-hộ nghèo: lập danh sách và cấp phát 188.056 thẻ BHYT cho người nghèo, người cận nghèo. Ngoài ra, đã hỗ trợ mua 63 thẻ bảo hiểm y tế diện thành viên hộ vượt chuẩn cận nghèo đang chạy thận nhân tạo. Miễn giảm học phí: 38.435 học sinh, với số tiền miễn giảm là 31,416 tỷ đồng; Hỗ trợ chi phí học tập: 46.393 học sinh, với số tiền 15,921 tỷ đồng; Đào tạo nghề ngắn hạn cho 2.591 lao động nghèo, giới thiệu việc làm cho 13.126 lao động.

Công tác chăm lo tết: số hộ được hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên Đán 2015 là 66.675 hộ với tổng số tiền 49,651 tỷ đồng.

8. Chương trình xây dựng nông thôn mới:

Theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đến nay thành phố có 54/56 xã đạt chuẩn. Theo Bộ tiêu chí nông thôn mới đặc thù vùng nông thôn thành phố có 53/56 xã đạt chuẩn, gồm: huyện Củ Chi 20/20 xã, huyện Hóc Môn 10/10 xã, huyện Bình Chánh 12/14 xã, huyện Nhà Bè 06/06 xã và huyện Cần Giờ 05/06 xã (05 xã đã được công nhận trong năm 2014 và 48 xã công nhận trong 11 tháng đầu năm 2015).

Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn/xã đến tháng 11 năm 2015 là: 18,9/19 tiêu chí, tăng 12 tiêu chí so với khi triển khai xây dựng đề án nông thôn mới tại các xã (bình quân 6,9 tiêu chí). Còn lại 03 xã: Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B (huyện Bình Chánh) và xã Tam Thôn Hiệp (huyện Cần Giờ) dự kiến trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2015.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 và năm 2015.